

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 25-9-2019
V/v “tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Ông Thi Hữu Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K - Sinh năm 1958 - Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Kha L - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn H - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/7/2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày và yêu cầu:

Bà L có mua gạo của bà. Đến ngày 16/8/2017, chốt sổ bà L còn nợ bà 114.000.000 đồng. Ngày 21/7/2018, bà L hứa trả lãi cho bà 1%/tháng đối với số

tiền còn nợ (có ghi giấy thỏa thuận lãi 1%/tháng). Ngày 12/4/2018, bà L trả bà 20.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 94.000.000 đồng.

Ngày 24/3/2019, bà L tiếp tục mua gạo và nợ bà số tiền 17.218.000 đồng, nhưng bà đồng ý cho bà L 2.000.000 đồng nên còn nợ lại 15.218.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho bà 134.510.666 đồng (trong đó: 109.218.000 đồng tiền vốn và 25.292.666 đồng tiền lãi).

Tiền lãi được tính như sau:

- 114.000.000 đồng x 1%/tháng x 7 tháng 26 ngày (từ ngày 16/8/2017 đến ngày 12/4/2018) = 8.968.000 đồng.

- 94.000.000 đồng x 1%/tháng x 13 tháng (từ ngày 13/4/2018 đến ngày 13/5/2019) = 12.220.000 đồng.

- 94.000.000 đồng x 1%/tháng x 4 tháng 11 ngày (từ ngày 14/5/2019 đến ngày xét xử ngày 25/9/2019) = 4.104.666 đồng.

Bà không yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả nợ cho bà, vì bà L và ông H hiện nay đã ly hôn. Bà không yêu cầu tiền lãi đối với số nợ 15.218.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 26/7/2019, các văn bản tiếp theo bị đơn bà Trần Kha L trình bày: Bà thống nhất trình bày của bà K về việc bà có mua gạo của bà K và còn nợ lại 109.218.000 đồng tiền gốc. Bà đồng ý trả cho bà K 109.218.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi 21.340.000 đồng (theo đơn khởi kiện bà K tạm tính) bà xin không trả. Bà không yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả nợ cùng bà. Vì hiện tại bà và ông H đã ly hôn.

- Tại bản tự khai ngày 05/9/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ông Lê Văn H trình bày: Ông và bà L đã ly hôn, số tiền nợ bà K là nợ riêng của bà L. Ông không đồng ý cùng bà L trả nợ cho bà K.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Bị đơn bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị K khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Trần Kha L có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Trần Kha L được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của bà, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Bà L không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa vì bà đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn bà K không yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả nợ đây là sự tự nguyện của bà K nên ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà K đối với bà L yêu cầu trả 109.218.000 đồng tiền gốc là có căn cứ chấp nhận toàn bộ, vì phù hợp các biên nhận nợ bà L thừa do bà L viết và ký tên, tại phiên hòa giải ngày 26/7/2019 bà L cũng thừa nhận có mua gạo của bà K và còn nợ 109.218.000 đồng. Bà L đồng ý trả cho bà K 109.218.000 đồng. Vì vậy, buộc bà L có nghĩa vụ trả nợ cho bà K 109.218.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 430, 431, 433, 434, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về tiền lãi bà K yêu cầu bà L trả 25.292.666 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Vì bà K yêu cầu thời gian tính lãi, số vốn dùng để tính lãi, lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ những nhận định nêu trên cần buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà K tổng cộng 134.510.666 đồng (trong đó: 109.218.000 đồng tiền vốn và 25.292.666 đồng tiền lãi).

[8] Cần áp dụng quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà K được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp. Bà L có nghĩa vụ trả cho bà K 134.510.666 đồng nên bà L có nghĩa vụ chịu 6.725.533 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 357, 430, 431, 433, 434, 440 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Trần Kha L.

Buộc bà Trần Kha L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 134.510.666 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu năm trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà K cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bà L còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Kha L chịu 6.725.533 đồng (sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi ba đồng) tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí. Trả lại cho bà K 3.313.950 đồng (ba triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0004603 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2019). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái